QUAN NIỆM THẨM MỸ CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG CA DAO VÀ TỤC NGỮ: GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ

Lê Hường [1]

[1] Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: lethihuong220178@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 4 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 6 năm 2018.

Tóm tắt: Ca dao, tục ngữ của người Việt là một loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo. Bên cạnh việc phản ánh đa dạng các lĩnh vực của đời sống xã hội, ca dao, tục ngữ còn đúc kết những quan niệm thẩm mỹ phong phú của người Việt. Trong bối cảnh xã hội hiện đại đang bị tác động sâu sắc bởi quan hệ kinh tế thị trường, truyền thông, internet, văn hóa đại chúng, quan niệm thẩm mỹ trong văn hóa truyền thống đứng trước sự chuyển đổi về mặt giá trị, cả tích cực lẫn tiêu cực. Từ việc nhìn nhận quan niệm thẩm mỹ của người Việt trong đời sống xã hội theo sự vận động của quy luật khách quan, bài viết phân tích, đánh giá và đưa ra một số gợi ý đối với việc xây dựng hệ quan niệm thẩm mỹ phù hợp với truyền thống và hiện đại trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Quan niệm thẩm mỹ, ca dao, tục ngữ.

Quan niệm thẩm mỹ thể hiện cái nhìn, cách đánh giá của một bộ phận giai tầng trong xã hội về các hiện tượng thẩm mỹ, như đẹp, xấu, bi, hài, tinh tế, hài hòa,... trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên và xã hội. Quan niệm thẩm mỹ thường tập trung vào quan niệm về cái đẹp, không mang tính vụ lợi và thường được nhận biết thông qua các giác quan tinh tế của con người là thị giác và thính giác.

Quan niệm thẩm mỹ của người Việt được hình thành và nuôi dưỡng trong nền sản xuất nông nghiệp lấy đạo đức làm cơ sở điều tiết các quan hệ xã hội. Vì vậy, nó bị chi phối ở góc nhìn đạo đức và mang tính đa tầng, phức tạp. Quan niệm thẩm mỹ có vị trí tương đối độc lập trong văn học nghệ thuật dân gian và những sáng tác phi chính thống, có ý nghĩa quan trọng giúp con người vượt qua được bế tắc trong cuộc sống, mang lại niềm vui và hạnh phúc cho đời sống tinh thần của họ. Quan niệm thẩm mỹ còn có thể dung hòa những mâu thuẫn trong đời sống, làm cho mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên được cân bằng và trở nên tốt đẹp hơn.

Đáng lưu ý, quan niệm thẩm mỹ của người Việt chịu nhiều ảnh hưởng của hệ

tư tưởng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo nhưng trên cơ sở tiếp nhận một cách có chọn lọc và hòa quyện với tư tưởng của dân tộc, tạo nên một nhân sinh quan thẩm mỹ đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của người Việt qua các thời kỳ lịch sử.

1. Giá trị trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt qua ca dao, tục ngữ

Giá trị trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt trong ca dao, tục ngữ được thể hiện trên nhiều bình diện: Gia đình, xã hội, tự nhiên. Trong gia đình, giá trị của nó chính là *đạo hiếu*. Đạo hiếu biểu hiện ở tấm lòng biết ơn công đức cha mẹ sinh thành: "Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/ Một lòng thờ mẹ kính cha/ Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con" [2, tr.298]. Kính yêu, biết ơn cha mẹ, con cái hiếu thảo luôn nguyện cầu cho cha mẹ sống lâu để đền ơn đáp nghĩa: "Mỗi đêm thắp một đèn trời/ Cầu cho cha mẹ sống đời với con" [2, tr.58]. Coi trọng đạo hiếu là một quan niệm thẩm mỹ của người Việt, bởi nó giáo dục con người ý thức sống: "Thành kính với tổ tiên, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, thuận vợ thuận chồng [4, tr.113-114]. Con người sống có đạo hiếu là phương cách tiếp nối Phúc - Đức của tổ tiên, tạo Phúc - Đức cho hiện tại và tương lai. Điều này xuất phát từ quan niệm "Cây Đức mới dầy nền Nhân" của người Việt.

Người Việt quan niệm Phúc - Đức trong gia đình được khởi nguồn từ người mẹ và cũng được nuôi dưỡng từ người mẹ. Chữ "Đức", chữ "Phúc" tưởng như rất trừu tượng, nhưng lại ăn sâu vào trong tâm thức của mỗi thành viên trong gia đình bằng những việc làm rất cụ thể: Không tham lam, đố kị; không lừa gạt, dối trá; yêu thương, giúp người, giúp đời. Nhờ sự tích "Đức" của người mẹ mà gia đình được yên ấm, no đủ, hạnh phúc. Tích "Đức" để tạo "Phúc" cho gia đình. "Tu nhân tích đức để dành cho con" [2, tr.289]. Vì vậy, coi trọng Phúc - Đức trong gia đình là một quan niệm thẩm mỹ trong văn hóa của người Việt. Nó không chỉ ca ngợi vẻ đẹp nhân đức của người mẹ, mà còn phát huy những giá trị chân, thiện, mỹ trong gia đình và xã hội, không chỉ cho thế hệ hiện tại mà cho cả thế hệ tương lai.

Trong quan hệ gia đình, người Việt coi trọng chữ Nhẫn như một bí quyết để xây dựng những quan hệ êm ấm, hài hòa, trật tự giữa các thành viên. "Nhẫn" không có nghĩa là nhẫn nhục, là cam chịu cúi mình để kẻ khác giẫm đạp. "Nhẫn" ở đây là sự kiên nhẫn, nhẫn nại, bền bỉ để lắng nghe, để thấu hiểu, để đồng cảm với mỗi thành viên trong gia đình. "Nhẫn" cũng là cách giải quyết những bất hòa để tạo nên đại gia đình êm ấm. "Nhẫn" là một trong những giáo lý của nhà Phật được người Việt ứng dụng linh hoạt trong cuộc sống gia đình. Người biết "nhẫn" bao giờ cũng sẵn sàng khoan dung, biết tha thứ, biết đứng lên trên điều tiếng của dư luận hay gia sự, để chèo lái con thuyền gia đình được bình yên, hòa thuận. Trong gia đình hiện đại,

nếu thiếu chữ "nhẫn", thì quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ và con cái sẽ xuất hiện ngày càng nhiều mâu thuẫn, dễ dẫn đến ly tán, tan vỡ. Gia đình là một tế bào của xã hội, gia đình hạnh phúc thì cả xã hội hạnh phúc. Vì vậy, "nhẫn" trong gia đình là một quan niệm đẹp của người Việt, bởi nó mang lại bình yên và hạnh phúc cho gia đình và xã hội.

Trong quan hệ vợ chồng, người Việt có xu hướng coi trọng sự bình đẳng. Tục ngữ có câu: "Vợ chồng như đũa có đôi". Tài sản của gia đình là "của chồng công vợ"; "chồng kiệm, vợ kiệm là tiên/ Ngông nghênh, nhăng nhít là tiền bỏ đi" [2, tr.130]; vợ chồng đồng lòng, đồng sức thì mọi khó khăn sẽ vượt qua: " Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn" [2, tr.131]. Vợ chồng còn là một cặp dung hòa, bổ trợ tài, đức cho nhau: "Chồng khôn vợ được đi hài/ Vợ khôn chồng được nhiều bài cậy trông"; "nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi" [2, tr.131-132]. Người vợ là nhân tố quan trọng giúp chồng thành đạt: "Giàu vì bạn, sang vì vợ", "gái ngoan làm quan cho chồng" [2, tr.133]. Quan niệm bình đẳng trong quan hệ vợ chồng là điểm khác biệt của quan niệm dân gian so với quan niệm của Nho giáo coi vợ chồng là "phu xướng phụ tùy", chồng nói vợ phải nghe, vợ phải phục tùng chồng. Người phụ nữ Việt yêu thương, kính trọng chồng nhưng luôn chủ động trong mọi việc chứ không hoàn toàn phụ thuộc, nhất nhất phải chờ ý kiến chồng. Họ chủ động hướng tới sự bình đẳng vợ chồng và xây dựng gia đình hạnh phúc. Quan niệm về sự bình đẳng trong ca dao, tục ngữ của người Việt có ý nghĩa tôn vinh vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội, đồng thời tạo điều kiện cho việc thực hiện quyền bình đẳng của nữ giới sau này.

Cùng với sự bình đẳng trong quan hệ vợ chồng, người Việt còn coi trọng *sự thủy chung và tình nghĩa vợ chồng.* Trong quan niệm của người bình dân, đạo nghĩa vợ chồng có cơ sở từ tình yêu thương chân thành, vợ chồng cùng chủ động tạo nên sự bền vững của gia đình chứ không khiên cưỡng, cứng nhắc theo những nguyên tắc của đạo Nho. "Đạo nào bằng đạo phu thê/ Tay ấp má kề sanh tử có nhau" [5, tr.372]. Thật cảm động khi chứng kiến đạo nghĩa vợ chồng qua sự bộc lộ nỗi niềm của người vợ xa chồng: "Chim xa bầy thương cây nhớ cội/ Vợ xa chồng đạo nghĩa nào sai/Vàng ròng cả lửa chẳng phai/ Ở cho chung thủy có ngày gặp nhau" [2, tr.193]. Tấm chung tình của người vợ là biểu hiện của tấm lòng không chỉ nhân hậu, cao cả, vị tha mà còn rất bản lĩnh của người phụ nữ Việt Nam. Sự chung thủy, tình nghĩa trong quan hệ vợ chồng cũng được xem là một quan niệm đẹp của người Việt.

Có thể nói, lấy cảm hứng từ thực tế cuộc sống, ca dao, tục ngữ thể hiện quan niệm thẩm mỹ thông qua những triết lý giáo dục trong gia đình, cách ứng xử nhân văn trong quan hệ gia đình, xã hội của người Việt. Quan niệm thẩm mỹ của người Việt được biểu hiện tập trung trong quan hệ gia đình, bởi tinh thần gia đình là *đặc tính cơ bản nhất* của người Việt Nam.

Quan niệm thẩm mỹ được tiếp nhận từ tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, nhưng được người bình dân ứng biến cùng với tư tưởng truyền thống của dân tộc, tạo nên một nhân sinh quan tổng hợp đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, ứng xử đa dạng trong gia đình, xã hội của người Việt. Mặt khác, quan niệm thẩm mỹ còn "củng cố niềm tin vào điều thiện, nó điều hòa các hành vi, nó giữ thế cân bằng trong xã hội ít biến động, nó bảo đảm cho cục diện xã hội được tương đối thanh bình, yên ổn. Nhờ đó rối loạn ít xảy ra và nếu xảy ra thì cũng nhanh chóng được giải quyết" [4, tr.139]; được truyền tải qua chất liệu dân gian độc đáo là ca dao, tục ngữ, đáp ứng thị hiếu của đông đảo quần chúng nhân dân lao động, trở thành những triết lý thẩm mỹ có sức sống lâu bền trong đời sống dân tộc.

Ngoài những quan niệm thẩm mỹ tập trung trong gia đình, người Việt cũng đề cao những quan niệm thẩm mỹ *trong quan hệ xã hội*. Đó là lối sống trọng tình, coi trọng các giá trị tinh thần hơn giá trị vật chất.

Văn hóa nông nghiệp với lối sống trọng tình đã chi phối cách ứng xử của người Việt, coi trọng tình cảm trong các quan hệ gia đình, xã hội. Trong cuộc sống, người Việt quan niệm của cải vật chất, địa vị không phải là thứ quyết định mối quan hệ xã hội bền vững và hạnh phúc, trái lại, nhân cách đạo đức, các giá trị tinh thần mới là những yếu tố quan trọng. Trong các giá trị tinh thần, người Việt coi trọng *vẻ đẹp của tri thức* và đề cao vai trò của người thầy: "Không thầy đố mày làm nên"; "muốn thành nghề chớ nề học hỏi/ Dốt nát tìm thầy, bóng bẩy tìm thợ"; "dốt kia thì phải cậy thầy/ Vụng kia cậy thợ thì mày mới nên" [2, tr.148]. Điều này cho thấy rõ vai trò quan trọng của người thầy. Tục ngữ so sánh và kết luận: "Một kho vàng không bằng một ang chữ" [2, tr. 148]. Học hành làm cho con người tốt đẹp hơn, bằng không thì ngược lại: "Người không học như ngọc không mài" [2, tr.40]. Coi trọng tri thức, trân trọng các giá trị tinh thần là những quan niệm thẩm mỹ cần được phát huy trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam chân thành, giàu bản sắc.

Giá trị trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt còn được thể hiện ở việc *tôn vinh vẻ đẹp của con người*. Ca dao, tục ngữ đề cao vẻ đẹp của con người, bởi con người là một hiện hữu tinh túy nhất của trời đất. Trong vẻ đẹp của con người, cái đẹp được hội tụ đặc biệt ở nữ giới. Về phương diện mỹ học, trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt, khi nói đến vẻ đẹp của con người, ca dao, tục ngữ thường ***tập trung vào khuôn mặt:*** Đôi mắt, khuôn miệng, hàm răng, mái tóc. Trong thị hiếu thẩm mỹ dân gian, vẻ đẹp của khuôn mặt phản ánh vẻ đẹp của trí tuệ, với tâm hồn, nhân cách của con người. Bên cạnh chữ ***đẹp,*** trong ca dao, tục ngữ, chúng ta còn bắt gặp các chữ ***xinh***, ***tươi***, ***giòn***, ***duyên*** và đều được biểu hiện trên khuôn mặt. Theo một nghĩa nào đó, có thể nói, đây là những phạm trù của cái đẹp trong quan niệm thẩm mỹ dân gian của người Việt.

Trong quan niệm về cái đẹp của người phụ nữ bình dân, điều đáng chú ý, cái đẹp không phải là cái gì thuần túy tinh thần, trừu tượng mà rất hiện hữu, cảm tính, mang tính chất phồn thực, giàu sức sống khỏe khoắn gắn liền với lao động. Đó là một thị hiếu thẩm mỹ rất "duy vật" và thực tế, hướng đến sự hài hòa giữa vẻ đẹp của cơ thể, tâm hồn và vẻ đẹp của lao động. Quan niệm về vẻ đẹp tự thân của con người còn là quá trình tự nhận thức giá trị của bản thân người lao động trong hoàn cảnh cuộc sống vất vả, chịu nhiều bất công, tủi nhục, đắng cay nhưng vẫn giữ được hình thức và bản chất tốt đẹp.

Trong quan niệm của người Việt, *cái đẹp thường đi đôi với cái nết*. "Nết" ở đây là tính cách: Hiền lành, nhân hậu, biết nhường nhịn, biết hy sinh, biết cư xử trên dưới thuận hòa, chăm chỉ, chịu thương chịu khó... "Nết" thể hiện bản chất của con người, bản chất được tạo nên từ sự giáo dục của gia đình, sự tu dưỡng của bản thân. Chính vì vậy, dân gian rất coi trọng cái "nết". Khi buộc phải cân nhắc giữa cái đẹp và cái nết, người ta thường lựa chọn cái "nết": "Cái nết đánh chết cái đẹp". Coi trọng cái "nết" là một quan niệm thẩm mỹ thiết thực của ông cha. Điều đó đồng nghĩa với việc dân gian coi trọng các nhân tố của cái đẹp mang tính bền vững, chú trọng bản chất, nhân cách chứ không phải là những nhân tố thuộc về hình thức phù hoa.

Trong quan hệ *với thiên nhiên,* người Việt có cách ứng xử hài hòa với môi trường tự nhiên. *Ứng xử với đất như ứng xử với người*. Đất thuộc âm, thuộc Nữ, thuộc về Bà Mẹ, về Mẫu, biểu tượng của sự sinh sôi nảy nở, hiền lành như đất. Trong ca dao, tục ngữ, người Việt có câu:"Đất lành chim đậu", "đất có bồi có lở", "người có dở có hay". Người nông dân bám chặt và làm chủ đất, đấu tranh sinh tồn, hòa phối đất với nước một cách mềm dẻo, linh hoạt, tài tình. Người Việt quan niệm đất là mẹ, con người sinh ra từ đất, chết lại về với đất, về với lòng mẹ. Họ *ứng xử với nước một cách trân trọng, linh thiêng*. Nước là cha, đất - nước hòa quyện với nhau, trong mối quan hệ tương sinh, tương khắc [Xem: 1, tr.57]. Quan niệm này xuất phát từ chính đời sống sinh hoạt gắn liền với sản xuất nông nghiệp, khiến cho người Việt có điều kiện gần gũi với thiên nhiên, có tấm lòng rộng mở và giàu cảm xúc lãng mạn. Những hiện tượng thiên nhiên được đúc kết trong tục ngữ, ca dao đã trở thành những biểu tượng thẩm mỹ mang giá trị văn hóa của người Việt.

2. Hạn chế trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt qua ca dao, tục ngữ

Trong quan hệ xã hội, người Việt có ý thức *coi trọng cộng đồng hơn cá nhân*. Coi trọng ý thức cộng đồng được xem là một quan niệm thẩm mỹ khi nó tạo nên sức mạnh của lòng yêu nước và truyền giữ được tinh hoa văn hóa của dân tộc. Bản chất của ý thức cộng đồng là chi phối hành vi của cá nhân và xác lập những tiêu chí đánh giá đối với hành vi đó. Nhưng quan niệm coi trọng cộng đồng hơn cá nhân sẽ không còn mang tính chất thẩm mỹ khi tạo nên lối đối xử bình quân, cào

bằng "khôn độc không bằng ngốc đàn", "đông tay hơn hay làm". Hậu quả của nó là tạo nên thói quen dựa dẫm, tính thụ động của cá nhân trong đời sống xã hội. Quan niệm này có tác động tiêu cực đối với sự phát triển tích cực sáng tạo của cá nhân cũng như đối với những giá trị riêng trong tính cách và đời sống của cá nhân. Yếu tố cá nhân mờ nhạt, hoặc thiếu tính độc đáo là một điểm yếu của người Việt trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật và giao lưu văn hóa thời kỳ hiện đại.

Sự hình thành giá trị cá nhân dựa trên tiêu chí về tính trung thành với giá trị cộng đồng tất yếu sẽ dẫn đến xu hướng *ưa sự ổn định hơn là sự thay đổi* [Xem: 3, tr.285]. *Một mặt*, sự ổn định có tác dụng mạnh mẽ đối với việc bảo tồn các giá trị của cộng đồng; *mặt khác*, là một trong những nguyên nhân làm cho xã hội truyền thống của người Việt có phần chậm phát triển, bởi nó gây cản trở cho sự phát triển sáng tạo tinh thần phê phán cái cũ, cái lạc hậu, sự tiếp cận cái mới. Khuynh hướng *ưa sự ổn định hơn là sự thay đổi* càng tỏ ra không phù hợp trong thời kỳ hội nhập và giao lưu quốc tế hiện nay. Hiện nay, tư tưởng này đang là một trở ngại lớn đối với người Việt. Nó tạo ra một sức ì cho mỗi cá nhân, cộng đồng không chịu thay đổi, không quyết tâm để làm mới mình cũng như chủ động học hỏi những điều tốt đẹp hơn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong các quan hệ xã hội, quan hệ trong gia đình, nếu như đạo lý truyền thống nhấn mạnh *các giá trị tinh thần*, thì lối sống hiện đại lại đề cao *yếu tố thực dụng, nặng về vật chất* dẫn đến mâu thuẫn về mặt quan điểm thẩm mỹ. Nếu như trước đây, ca dao, tục ngữ thường phê phán các quan điểm cho rằng "có tiền mua tiên cũng được", "tiền bạc đi trước, mực thước đi sau", "thông tiền, chồng Đông vợ Đoài", thì đến nay, những quan điểm đó lại được một bộ phận giới trẻ ủng hộ. Đây là sự chuyển đổi lớn về mặt quan niệm thẩm mỹ trong lối sống của một bộ phận người dân Việt Nam từ chỗ "trọng tình" sang " trọng vật chất".

Nếu như quan niệm thẩm mỹ truyền thống (trong ca dao, tục ngữ) đề cao *cái đẹp về nội dung bản chất*, còn cái đẹp về hình thức là cái thứ yếu, quan niệm thẩm mỹ thời hiện đại, có đôi lúc, lại đánh giá cái đẹp về mặt hình thức cao hơn về mặt nội dung, bản chất. Trong nhiều trường hợp, việc đề cao cái đẹp về mặt hình thức không tránh khỏi sự giả dối, ngụy biện, cái bản chất bị đánh lừa, gây ra những hậu quả xấu trong các mối quan hệ gia đình xã hội.

Trong quan niệm truyền thống, người phụ nữ có một thân phận thấp kém, chịu nhiều thiệt thòi so với nam giới. Quan niệm này chịu ảnh hưởng của Nho giáo ăn sâu vào tiềm thức người dân, khiến người phụ nữ trong xã hội hiện đại gặp nhiều định kiến, khó khăn trong công việc và trọng trách xã hội. Dù ở thời kỳ lịch sử nào, phụ nữ luôn đóng góp năng lực của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Quan niệm thẩm mỹ về phụ nữ hiện đại không phải chỉ ***đẹp, duyên, giòn***, mà còn phải ***tài*** nữa. Vì vậy, cần phải thay

đổi quan niệm thẩm mỹ về người phụ nữ truyền thống trong ca dao, tục ngữ khi nó đã bộc lộ nhiều hạn chế trong đời sống hiện đại.

Ca dao, tục ngữ thường đề cao hình tượng *người cha* gắn với cái *uy*, cái *mạnh*, cái *nghiêm* cùng với triết lý giáo dục con cái trong các gia đình truyền thống: "Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi". Coi trọng *tính nguyên tắc và cái uy* của người cha là một quan niệm đẹp trong ca dao, tục ngữ với điều kiện, cái "uy" này được sử dụng một cách có nghệ thuật góp phần nuôi dưỡng nhân cách, trí tuệ của những đứa con trong gia đình. Tuy nhiên, việc vận dụng *cái uy, cái nghiêm* một cách cứng nhắc sẽ tạo nên những hệ lụy trong nuôi dạy con cái. Khác với các gia đình truyền thống, trong gia đình hiện đại, người cha cần phải biết chia sẻ, thấu hiểu, hợp tác trong mối quan hệ với các thành viên trong gia đình. Đó chính là một quan niệm đẹp về vai trò của người cha trong gia đình hiện đại.

Quan niệm về đạo hiếu cũng đang có sự thay đổi theo chiều hướng tiêu cực trong gia đình hiện đại. Hiếu thuận với cha mẹ là một quan niệm đạo đức mang tính thẩm mỹ của người Việt, nhưng ngày nay, quan niệm này đang nhìn nhận ở những thái cực khác nhau. Bên cạnh việc con cái trân trọng sự giúp đỡ, chia sẻ của cha mẹ trong cuộc sống, thì cũng có không ít trường hợp con cái vô ơn với cha mẹ. Họ không thấu hiểu, thông cảm, thương xót cha mẹ già yếu, thậm chí có trường hợp con cái chửi bới, đánh đập cha mẹ già vì họ bị lú lẫn. Đó là những hành vi phi nhân tính, chà đạp lên đạo lý, vô ơn, bạc bẽo với bậc sinh thành. Chủ nghĩa cá nhân đã biến đứa con được cha mẹ sinh thành, dưỡng dục trở thành một kẻ ích kỷ, vô ơn, bất hiếu... Thực trạng của gia đình hiện đại càng khẳng định rằng: Đạo hiếu đối với cha mẹ vẫn là một giá trị thẩm mỹ bất biến trong bất cứ thời kỳ lịch sử nào.

Trong quan hệ vợ chồng, nếu như quan niệm thẩm mỹ truyền thống đề cao *yếu tố chung thủy*, xem nó là yếu tố quyết định hạnh phúc gia đình, thì quan niệm thẩm mỹ thời hiện đại, về vấn đề này, đang có nhiều thay đổi, ở chỗ vừa đề cao yếu tố chung thủy vừa chú ý nhiều hơn đến tự do cá nhân. Thậm chí, chung thủy giờ đây không còn là giá trị nền tảng ràng buộc mối quan hệ vợ chồng. Khi cả hai không cảm thấy hòa hợp họ có thể "chia tay". Đây cũng là một trong những lý do quan trọng dẫn đến tình trạng ly hôn ngày càng tăng trong xã hội hiện đại.

Có thể nói, những biểu hiện về sự chuyển đổi quan niệm đạo đức, thẩm mỹ trong gia đình và xã hội như trên đang dẫn đến không ít cái nhìn bi quan, hoài nghi về nguy cơ tan rã của gia đình và sự bất ổn của xã hội. Vậy, cần phải nhìn nhận vấn đề này như thế nào?

3. Nguyên nhân của những hạn chế trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt qua ca dao, tục ngữ

Thứ nhất, ở Việt Nam hiện nay, quá trình phát triển nền kinh tế thị trường và quá trình đô thị hóa đang tạo nên những biến đổi sâu sắc về mặt quan niệm, trong

đó có quan niệm thẩm mỹ. Quan niệm thẩm mỹ của người Việt trong ca dao, tục ngữ được hình thành trong bối cảnh chịu sự chi phối của phương thức sản xuất và hệ tư tưởng phong kiến. Hệ quan điểm thẩm mỹ này phù hợp với tồn tại xã hội đã sinh ra nó. Khi chuyển sang phương thức sản xuất mới, sẽ vẫn tồn tại những quan niệm thẩm mỹ trở thành những giá trị bất biến cùng với thời đại nhưng cũng có những quan niệm thẩm mỹ truyền thống sẽ không còn phù hợp với lối sống coi trọng sáng kiến cá nhân, bản sắc cá nhân, chuộng cái mới lạ và đổi mới thường xuyên các nhu cầu văn hóa... [Xem: 3, tr.245-246]. Đó là quy luật vận động và phát triển tất yếu trong đời sống tinh thần của xã hội.

Thứ hai, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông, nhất là sự phát triển nhanh chóng của Internet và sự nở rộ của các mạng xã hội tạo ra một nền văn hóa mở trong một thế giới toàn cầu hóa. Tuy nhiên, bên cạnh lợi ích của việc phổ cập các phương tiện nghe nhìn hiện nay, nó cũng làm xuất hiện những hậu quả đi kèm. Sự tiến bộ nhiều mặt của khoa học kỹ thuật, sự phát triển của kinh tế, ở một góc độ nào đó là nguyên nhân tạo nên những xáo trộn, sự xuống cấp trong các quan hệ ứng xử và các hệ thống giá trị..., có thể gọi chung đó là sự xáo trộn của văn hóa hay sự khủng hoảng văn hóa. Hơn nữa, *sự phát triển của hình thái văn hóa đại chúng* là một thách thức đối với văn hóa dân gian truyền thống. Một trong những biểu hiện của sự thách thức đó là tính hiện đại, phong phú, luôn thay đổi của dòng văn hóa đại chúng, làm cho các sinh hoạt văn hóa dân gian truyền thống mất đi tính hấp dẫn, trở nên không "hợp thời", không "hợp mốt, có nguy cơ bị loại ra khỏi đời sống văn hóa.

Bởi vậy, các quan niệm thẩm mỹ trong nền văn hóa hiện đại, cần hướng tới tiêu chí: *Dân tộc, hiện đại và nhân văn*. Tiêu chí này được đưa ra nhằm góp phần khai thác những giá trị thẩm mỹ tích cực của truyền thống trong đời sống hiện đại, đồng thời tạo cơ sở tiếp nhận những quan niệm thẩm mỹ hiện đại trên tinh thần nhân văn, trân trọng, nâng cao giá trị của con người. Đây vừa là yêu cầu có tính cấp bách, vừa mang tính định hướng cơ bản, lâu dài cho sự nghiệp phát triển văn hóa nghệ thuật và xây dựng con người mới hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Thúy Anh (2007), *Ứng xử cổ truyền với tự nhiên và xã hội của người Việt châu thổ Bắc Bộ qua ca dao, tục ngữ*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[2] Đỗ Thị Bảy (2011), *Sự phản ánh quan hệ gia đình, xã hội trong tục ngữ, ca dao*, Nxb Lao động.

[3] Chu Xuân Diên (2004), *Mấy vấn đề văn hóa và văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.

[4] Vũ Ngọc Khánh (1998), *Văn hóa gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.

[5] Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (2003), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[6] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2002), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, t.15, Nxb Khoa học xã hội.